

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2169 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2014

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 05.11.14
	Ngày: 05.11.14

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 92/TTr-BLĐTBXH ngày 26 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 54 liệt sĩ thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; 02 thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh và 10 tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Hà Nam, Hưng Yên, Lâm Đồng, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Bình (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: PCN Phạm Viết Muôn, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 4 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH
LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"
(Kèm theo Quyết định số 2169 /QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2014
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Liệt sĩ: Trần Đức Giang

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 95%), nguyên quán: phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 2014.

2. Liệt sĩ: Lại Văn Bên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 86%), nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 29 tháng 7 năm 2014.

BỘ CÔNG AN

3. Liệt sĩ: Đồng Văn Hòa

Đại úy công an nhân dân, nguyên quán: xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 12 năm 2000.

4. Liệt sĩ: Phạm Trường Phi

Thiếu úy công an nhân dân, nguyên quán: xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 12 năm 2000.

BỘ QUỐC PHÒNG

5. Liệt sĩ: Đặng Thế Hoan

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 2013.

6. Liệt sĩ: Đinh Tiến Thọ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1971.

7. Liệt sĩ: Đoàn Hữu Xoan

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 02 năm 1949.

8. Liệt sĩ: Trần Văn Phòng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 12 năm 1946.

9. Liệt sĩ: Đặng Văn Ký

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1969.

10. Liệt sĩ: Thổ Sang

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Cẩm Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 02 năm 1968.

11. Liệt sĩ: Bùi Văn Liêm

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1969.

12. Liệt sĩ: Lâm Chấn Hòa

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1974.

TỈNH BẮC GIANG

13. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Khu

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 8 năm 1950.

TỈNH BẮC NINH

14. Liệt sĩ: Nguyễn Thiết Chế

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 2014.

TỈNH BẾN TRE

15. Liệt sĩ: Phạm Văn Đức

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969.

16. Liệt sĩ: Quốc Hùng

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1971.

17. Liệt sĩ: Phạm Thị Oanh

Ủy viên xã đoàn, nguyên quán: xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 5 năm 1968.

18. Liệt sĩ: Trần Văn Ngời

Cơ sở nội tuyến, nguyên quán: xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1971.

19. Liệt sĩ: Phạm Văn Đồng

Phó Chủ tịch xã, nguyên quán: xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 10 năm 1948.

20. Liệt sĩ: Cao Văn Thâm

Du kích xã, nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1953.

21. Liệt sĩ: Bùi Văn Khiển

Trưởng ban thông tin xã, nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1962.

22. Liệt sĩ: Đoàn Văn Thân

Du kích xã, nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 7 năm 1954.

23. Liệt sĩ: Bùi Văn Cứng

Du kích xã, nguyên quán: xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1970.

24. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Bê

Phó Bí thư xã, nguyên quán: xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969.

25. Liệt sĩ: Phạm Văn Thành

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thanh Ngải, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 4 năm 1985.

26. Liệt sĩ: Trương Văn Chương

Bí thư chi bộ ấp, nguyên quán: xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968.

27. Liệt sĩ: Hồ Văn Cứ

Đảng viên tự vệ đội xã, nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 10 tháng 10 năm 1931.

TỈNH HÀ NAM

28. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Hồng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Lạc Guối, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 01 năm 2014.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Dũng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 02 năm 2014.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

30. Liệt sĩ: Lê Xuân Duyên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 4 năm 1996.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

31. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Hẫu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 02 năm 2008.

TỈNH HƯNG YÊN

32. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tuấn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tống Phan, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 01 năm 2009.

TỈNH LÂM ĐỒNG

33. Liệt sĩ: Lê Kim Đanh

Chủ tịch liên việt xã, nguyên quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1951.

TỈNH NAM ĐỊNH

34. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Trao

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 11 năm 2013.

35. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Dy

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 11 năm 2013.

36. Liệt sĩ: Trần Duy Giao

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 2013.

37. Liệt sĩ: Mai Văn Nhu (tức Du)

Du kích xã, nguyên quán: xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1948.

TỈNH NGHỆ AN

38. Liệt sĩ: Vương Đình Sừu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 9 năm 2012.

TỈNH NINH BÌNH

39. Liệt sĩ: Đinh Văn Mịch

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 83%), nguyên quán: xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 4 năm 2011.

TỈNH QUẢNG BÌNH

40. Liệt sĩ: Dương Minh Thước

Tổ viên an ninh xã, nguyên quán: xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 2012.

41. Liệt sĩ: Lê Văn Bình

Tổ viên an ninh xã, nguyên quán: xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 2012.

42. Liệt sĩ: Trương Minh Át

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1968.

43. Liệt sĩ: Lê Minh Lộc

Công nhân, nguyên quán: xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1972.

44. Liệt sĩ: Trương Thị Phương

Cấp dưỡng, nguyên quán: xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1972.

45. Liệt sĩ: Lê Công Chất

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1979.

46. Liệt sĩ: Trần Minh Quý

Nhân viên quốc doanh được phẩm, nguyên quán: xã Quảng Long, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1968.

47. Liệt sĩ: Đoàn Xuân Thi

Công nhân, nguyên quán: xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1967.

48. Liệt sĩ: Lê Đình Nghị

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972.

49. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Quang

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1982.

50. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Trí

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1966.

51. Liệt sĩ: Lê Văn Lý

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hải Quang, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968.

52. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Tân

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 9 năm 1981.

53. Liệt sĩ: Trần Văn Sơn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 7 năm 1981.

54. Liệt sĩ: Nguyễn Thế Trung

Công nhân, nguyên quán: xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 04 năm 1972./.
